

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 8 - 2022

“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Thành Chánh

2/ Bà Nguyễn Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Công Nam, Thư ký TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn B - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 207/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Kim L**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: **Anh Võ Văn B**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp R, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim L trình bày:

Chị L và anh Võ Văn B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố L vào năm 2011. Trước khi anh chị chung sống và đăng ký kết hôn, chị và anh B chưa ai kết hôn lần nào. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh B tu tập tại gia, vợ chồng không dung hòa được cuộc sống chung. Vợ chồng sống ly thân từ nhau từ

năm 2020 cho đến nay không qua lại gì. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn B trình bày: Anh Võ Văn B thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, mâu thuẫn gia đình, con chung, nợ chung và tài sản chung như chị L trình bày. Anh B xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Bản thân anh B đi theo con đường tu tại gia và anh B muốn chị L cũng tu tại gia như anh nhưng chị L không đồng ý. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau hơn 02 năm nay. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn anh B đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh B không có thời gian lên Tòa án làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật, đồng thời anh B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L. Cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Võ Văn B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Kim L có đơn yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn B. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc những trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Kim L khởi kiện ly hôn với anh Võ Văn B, anh B có nơi cư trú tại ấp R, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị L và anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện được ly hôn của nguyên: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống được nữa. Nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Điều này được bị đơn thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4.2] Về quyền nuôi giữ con chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có con chung nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai trong thời kỳ hôn nhân không tạo lập nên khối tài sản chung; không vay mượn nợ ai và không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 228, 228, 235, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L, về việc “Ly hôn” với anh Võ Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Võ Văn B.
2. Về con chung: Đang sự khai không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005535 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TPLK;
- THADS TPLK;
- UBND xã B, TPLK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa

